BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
--------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2012/TT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT KHÔNG ĐƯỢC MANG RA NƯỚC NGOÀI

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định loại di vật, cổ vật không được mang từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Loại di vật, cổ vật quy định tại Thông tư này không áp dụng đối với trường hợp di vật, cổ vật được mang ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc mang di vật, cổ vật từ Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 3. Loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài

1. Cá thể hoặc bộ phận hóa thạch người, động vật, thực vật thuộc thời kỳ Tiền sử Việt Nam;

2. Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc thời kỳ Tiền sử và Sơ sử Việt Nam;

3. Tài liệu bằng các chất liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia Việt Nam và anh hùng dân tộc, danh nhân có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia Việt Nam;

4. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc các giai đoạn lịch sử Việt Nam trước tháng 9 năm 1945;

5. Bản thảo tác phẩm văn học, bản gốc tác phẩm tạo hình (hội họa, đồ họa, điêu khắc), tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội được sáng tác từ tháng 9 năm 1945 đến nay;

6. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng và kiểm kê;

7. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học của các dân tộc thiểu số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sản xuất, sáng tạo trước năm 1975;

8. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu liên quan đến các sự kiện quan trọng và sự nghiệp của các Nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu, Nhà hoạt động chính trị, quân sự xuất sắc trong thời kỳ thành lập Đảng, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước từ tháng 9 năm 1945 đến nay;

9. Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có xuất xứ từ nước ngoài (trừ trường hợp tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu).

Danh mục cụ thể loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013.

2. Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDTTNNĐ của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UB toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
- Hội đồng DSVHQG;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở VHTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo VP Chính phủ, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Tổng cục, VP, Thanh tra, Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, DSVH, PC, NVC.350.

DANH MỤC

LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT KHÔNG ĐƯỢC MANG RA NƯỚC NGOÀI

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

STT	LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT
1	**Cá thể hoặc bộ phận hóa thạch người, động vật, thực vật thuộc thời kỳ Tiền sử Việt Nam**
2	**Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc thời kỳ Tiền sử và Sơ sử Việt Nam**
3	**Tài liệu bằng các chất liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia Việt Nam và anh hùng dân tộc, danh nhân có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia Việt Nam, bao gồm:**

3.1	Bản thảo, bản gốc văn bản.
3.2	Sách cổ.
3.3	Bản đồ.
3.4	Tác phẩm mỹ thuật.
4	**Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc các giai đoạn lịch sử Việt Nam trước tháng 9 năm 1945, bao gồm:**
4.1	Công cụ lao động, sản xuất.
4.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập.
4.3	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
4.4	Đồ trang sức.
4.5	Trang phục.
4.6	Vũ khí.
4.7	Nhạc khí.
4.8	Tác phẩm mỹ thuật.
4.9	Ấn tín.
4.10	Kim sách.
4.11	Châu báu.
4.12	Tiền tệ.
4.13	Ván khắc.
4.14	Mộc bản, châu bản, thần phả, thần tích, gia phả, sắc phong, lệnh chỉ, sắc chỉ, bằng sắc, di cảo, văn tự, sách.
4.15	Khế ước, hương ước.
4.16	Dụng cụ, trang phục trình diễn nghệ thuật dân gian truyền thống.
4.17	Hoành phi, câu đối, đại tự.
5	**Bản thảo tác phẩm văn học, bản gốc tác phẩm tạo hình (hội họa, đồ họa, điêu khắc), tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội được sáng tác từ tháng 9 năm 1945 đến nay, bao gồm:**
5.1	Bản thảo các tác phẩm văn học đã được trao giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.
5.2	Bản gốc các tác phẩm tạo hình, tác phẩm nhiếp ảnh đã được trao giải A (hoặc giải nhất) triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc hoặc đã được trao giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.
6	**Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng và kiểm kê**
6.1	*Tại di tích lịch sử, bao gồm:*
6.1.1	Bản viết tay, bản thảo sách, thư từ và đồ dụng sinh hoạt, học tập, làm việc có liên quan đến sự nghiệp của những lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng đến sự phát triển của quốc gia, địa phương trong các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học.
6.1.2	Vũ khí.
6.1.3	Nhạc khí.
6.1.4	Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh.

6.1.5	Sắc phong, lệnh chỉ, bằng sắc.
6.1.6	Văn bản chính thức hoặc bản thảo văn bản; truyền đơn, tiêu ngữ, tranh tuyên truyền, báo chí, phụ trương, tin chiến thắng; huân chương, huy chương, kỷ niệm chương.
6.1.7	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.1.8	Hoành phi, câu đối, đại tự.
6.1.9	Di vật, cổ vật khác thuộc di tích.
6.2	*Tại di tích kiến trúc - nghệ thuật, bao gồm:*
6.2.1	Vật liệu xây dựng, cấu kiện kiến trúc, bộ phận trang trí của kiến trúc, đồ trang trí nội thất.
6.2.2	Tác phẩm mỹ thuật, tranh, tượng, kinh và những bản khắc gỗ có giá trị độc bản.
6.2.3	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.2.4	Các loại hình di vật, cổ vật khác thuộc di tích.
6.3	*Tại di tích khảo cổ, bao gồm:*
6.3.1	Công cụ lao động, sản xuất.
6.3.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập.
6.3.4	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.3.5	Đồ trang sức.
6.3.6	Vũ khí.
6.3.7	Nhạc khí.
6.3.8	Bộ phận kiến trúc, vật liệu, trang trí.
6.3.9	Đồ tùy táng.
6.3.10	Hài cốt người và động vật.
6.3.11	Di vật, cổ vật khác phát hiện được tại di tích.
6.4	*Tại danh lam thắng cảnh, bao gồm:*
6.4.1	Hiện vật làm từ động, thực vật, khoáng sản quý hiếm.
6.4.2	Di vật, cổ vật khác thuộc danh lam thắng cảnh.
7	**Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học của các dân tộc thiểu số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sản xuất, sáng tạo trước năm 1975, bao gồm:**
7.1	Công cụ lao động, sản xuất.

7.2	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
7.3	Trang phục.
7.4	Vũ khí.
7.5	Nhạc cụ.
7.6	Tác phẩm mỹ thuật.
7.7	Thư tịch.
7.8	Dụng cụ biểu diễn nghệ thuật.
8	**Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu liên quan đến các sự kiện quan trọng và sự nghiệp của các Nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu, Nhà hoạt động chính trị, quân sự xuất sắc trong thời kỳ thành lập Đảng, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước từ tháng 9 năm 1945 đến nay, bao gồm:**
8.1	Công cụ lao động, sản xuất.
8.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập, làm việc.
8.3	Đồ trang sức.
8.4	Trang phục.
8.5	Vũ khí.
8.6	Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh.
8.7	Văn bản chính thức hoặc bản thảo văn bản; truyền đơn, tiêu ngữ, tranh tuyên truyền, báo chí, phụ trương, tin chiến thắng; huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; bản viết tay, bản thảo sách, thư từ.
8.8	Tem và bưu phẩm.
8.9	Các loại hình di vật, cổ vật khác có liên quan.
9	**Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có xuất xứ từ nước ngoài (trừ trường hợp tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu).**